

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 05/2024



LAC DUY & ASSOCIATES



**MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH
55/2024/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT
MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO VỆ QUYỀN
LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG NĂM 2023**



**NGHỊ QUYẾT MỚI CỦA HỘI ĐỒNG
THẨM PHÁN HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT
VỤ VIỆC VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

**PHÁT HÀNH BỞI LAC DUY & ASSOCIATES
LIÊN HỆ CHÚNG TÔI**

🌐 : <http://lacduy-associates.com>

✉ : lacduy@lacduy-associates.com

☎ : +84917275572/+842836221603

📍 : Phòng 603, Tầng 6, Tòa nhà Centec, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 05/2024



LAC DUY & ASSOCIATES

Quý khách hàng thân mến,

Lac Duy & Associates trân trọng được gửi tới quý khách hàng Bản tin pháp luật của tháng 05 năm 2024 với một số điểm tin và bài viết đáng chú ý như sau:

- Một số điểm mới của Nghị định 55/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023
- Nghị quyết mới của hội đồng thẩm phán hướng dẫn giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình
- Cập nhật Văn bản Pháp luật tháng 05/2024



MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH 55/2024/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG NĂM 2023

Ngày 16/05/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 55/2024/NĐ-CP quy định

chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023. Nghị định này thay thế Nghị định 99/2011/NĐ-CP và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024.



1. Thay đổi phạm vi điều chỉnh (Điều 1):

Nghị định 55/2024/NĐ-CP bao gồm 08 chương và 30 điều. So sánh với phạm vi điều chỉnh được quy định theo nghĩa rộng và bao quát ở Nghị định 99/2011/NĐ-CP, Nghị định 55/2024/NĐ-CP quy định chi tiết các điều khoản cụ thể của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023, cụ thể ở các điều khoản sau: Điều 3.9; Điều 9.2; Điều 13.2; Điều 23.5; Điều 28.5; Điều 32.3; Điều 33.5; Điều 37.4; Điều 39.5; Điều 40.3; Điều 45.3; Điều 47.3 và Điều 73.2.

2. Quy định chi tiết về nền tảng số (Điều 2):

Dưới tác động mạnh mẽ của nền công nghiệp số, các nhà làm luật đã quan tâm hơn về nền tảng số được thiết lập nhằm mục đích giao dịch điện tử. Cụ thể,

Nghị định 55/2024/NĐ-CP định nghĩa chi tiết về nền tảng số lớn được quy định tại Điều 39.4 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 như sau:

Là nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử được thiết lập, vận hành để phục vụ hoạt động kinh doanh trên không gian mạng và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- (i) Có từ 3.000.000 (ba triệu) tài khoản người sử dụng hoạt động hằng năm tại Việt Nam trở lên theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm tự xác định số lượng tài khoản người sử dụng hoạt động trên nền tảng số do mình thiết lập, vận hành;
- (ii) Là nền tảng số trung gian quy mô lớn, rất



lớn phục vụ giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Bên cạnh đó, Nghị định này còn mở rộng định nghĩa về người có ảnh hưởng, cụ thể như sau:

Người có ảnh hưởng là chuyên gia, người có uy tín, người được xã hội chú ý trong lĩnh vực, ngành, nghề cụ thể được tổ chức, cá nhân kinh doanh tài trợ dưới mọi hình thức để sử dụng hình ảnh, lời khuyên, khuyến nghị của người này nhằm xúc tiến thương mại hoặc khuyến khích người tiêu dùng mua, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, thuộc một trong các trường hợp sau:

- (i) Người có trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực, ngành nghề cụ thể, được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận;
- (ii) Người tiêu biểu, có nhiều công lao, đóng góp, có uy tín trong xã hội, lĩnh vực, ngành nghề cụ thể, được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận; và
- (iii) Người được xã hội chú ý, có lượng người quan tâm, theo dõi đáng kể trên phương tiện truyền thông hoặc có tài khoản có đủ điều kiện tham gia các chương trình quảng cáo, kinh doanh trên các nền tảng số.

3. Quy định chi tiết về hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện

giao dịch chung (Điều 6)

So sánh với quy định cũ, Nghị định này yêu cầu chi tiết hơn về hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. Cụ thể, các yêu cầu trên bao gồm:

- (i) Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và có thể thỏa thuận sử dụng thêm tiếng khác theo quy định tại Điều 23.2 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023.
- (ii) Trong trường hợp giao kết bằng văn bản giấy, cỡ chữ nhỏ nhất là 12 theo loại chữ Times New Roman hoặc kích cỡ tương đương.
- (iii) Màu chữ và màu nền thể hiện nội dung văn bản phải tương phản nhau.
- (iv) Bố cục, thiết kế văn bản phải rõ ràng, dễ theo dõi.
- (v) Nội dung phải rõ ràng, dễ hiểu và phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

4. Trách nhiệm đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (Điều 7)

Trước khi sử dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký do Thủ tướng Chính phủ

ban hành, sửa đổi để giao kết với người tiêu dùng, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thực hiện việc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của Nghị định này.



Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung chỉ được sử dụng để giao kết hoặc áp dụng đối với người tiêu dùng khi việc đăng ký được hoàn thành theo quy định tại Điều 12.1 Nghị định này.

Trong trường hợp người tiêu dùng thanh toán trước khi giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung hoặc thực hiện việc đặt cọc, ký quỹ, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác liên quan đến việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải hoàn thành việc đăng ký và công khai hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung để người tiêu dùng biết về nội dung của các văn bản này theo quy định tại Điều 12.2 Nghị định này trước khi thực hiện việc thanh toán hoặc các biện pháp nêu trên.

Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, tổ chức, cá nhân

kinh doanh có hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký do Thủ tướng Chính phủ ban hành, sửa đổi có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình đăng ký và áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung tới cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Thẩm quyền kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (Điều 14)

Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Bộ Công Thương có thẩm quyền kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong trường hợp hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung được áp dụng trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong trường hợp hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung được áp dụng trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đó.

Kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung bao gồm việc kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký do Thủ



tướng Chính phủ ban hành, sửa đổi và kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung không thuộc phạm vi phải đăng ký.

6. Quy định chi tiết về trách nhiệm đối với sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật (Điều 17, 18, 19, 20, 21)

Nghị định này còn quy định thêm một số nội dung về trách nhiệm đối với sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật như:

- (i) Trách nhiệm công khai, thông báo công khai việc thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật (Điều 18)
- (ii) Báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật (Điều 19)
- (iii) Nguồn thông tin, dữ liệu để xác định cụ thể nhóm sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật (Điều 20)
- (iv) Cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi việc thực hiện thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật (Điều 21).

NGHỊ QUYẾT MỚI CỦA HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN HƯỚNG DẪN GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Sau khi thông qua nội dung vào ngày 24 tháng 4 năm 2024, vào ngày 16 tháng 5 năm 2024, Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao đã ban hành Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP nhằm hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các vụ việc liên quan đến Hôn nhân và Gia đình (“**Nghị quyết 01/NQ-HĐTP**”). Nghị quyết này sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. Bài viết này sẽ đi qua những hướng dẫn được đề cập trong Nghị quyết 01/NQ-HĐTP.



1. Giải thích cụ thể về những từ/cụm từ và những trường hợp được nêu ra tại khoản 3 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, về quyền yêu cầu giải quyết ly hôn

Đầu tiên, khoảng thời gian “**đang có thai**” được hiểu là khoảng mà người vợ mang trong mình bào thai và được cơ sở y tế có thẩm quyền xác định cho đến thời điểm sinh con hoặc thời điểm đình chỉ thai nghén.

Tiếp theo, việc “**sinh con**” tại khoản 3 Điều 51 Luật này được hướng dẫn sẽ được xác định dựa vào một trong ba trường hợp sau đây: (i) vợ đã sinh con nhưng không nuôi con trong khoảng thời gian từ khi sinh con đến khi con dưới 12 tháng tuổi; (ii) vợ đã sinh con nhưng con chết trong khoảng thời gian dưới 12 tháng tuổi kể từ khi sinh con; và (iii) vợ có thai từ 22 tuần tuổi trở lên mà phải đình chỉ thai nghén. Trong ba trường hợp nêu trên, người chồng không có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Hội đồng Thẩm phán còn hướng dẫn thêm về việc người chồng không được yêu cầu ly hôn trong các trường hợp: (i) vợ đang có thai, không phân biệt có thai hay sinh con với ai, chồng không có quyền yêu cầu ly hôn; và (ii) vợ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, không phân biệt con đẻ, con nuôi.

Riêng đối với trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, chồng của người mang thai hộ không có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi; và chồng của người nhờ mang thai hộ không có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi vợ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi hoặc khi người mang thai hộ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

2. Giải thích cụ thể về những từ/cụm từ và những trường hợp được nêu ra tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, về vấn đề thuận tình ly hôn

“**Vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn**” được hiểu là trường hợp vợ chồng cùng ký vào đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn hoặc một bên có đơn khởi kiện ly hôn, còn bên kia đồng ý ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.



Bên cạnh đó, việc vợ chồng thỏa thuận về vấn đề chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Thỏa thuận này bao gồm cả trường hợp vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản.

Ngoài ra, “**việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con**” sẽ bao gồm những công việc cụ thể sau: việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Giải thích cụ thể về những từ/cụm từ và những trường hợp được nêu ra tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, về ly hôn theo yêu cầu của một bên

“**Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng**” là vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng dẫn đến xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp

của người kia.

“Vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình” là vợ, chồng có hành vi quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Ngoài ra, bốn trường hợp được coi là **“hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”** là: **(i)** không có tình nghĩa vợ chồng; **(ii)** vợ, chồng có quan hệ ngoại tình; **(iii)** vợ, chồng xúc phạm nhau, làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, tổn thất về tinh thần hoặc gây thương tích, tổn hại đến sức khỏe của nhau; và **(iv)** không bình đẳng về quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng; không tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ, chồng; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển.

4. Hạn chế phân chia di sản của vợ, chồng trong trường hợp một bên chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết quy định tại khoản 3 Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình

Việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của vợ hoặc chồng còn sống và gia đình theo quy định tại khoản 3 Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 661 của Bộ luật Dân sự là trường hợp người chết có để lại di sản, nhưng nếu chia di sản này cho người thừa kế thì vợ hoặc chồng còn sống và gia đình gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống như: không có chỗ ở, mất nguồn tư liệu sản xuất duy nhất.

5. Hướng dẫn cụ thể về những từ/cụm từ và những trường hợp được nêu ra tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, về giải quyết việc nuôi con khi ly hôn

Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn những tiêu chí để dựa vào đó đánh giá **“quyền lợi về mọi mặt của con”** bao gồm: **(i)** điều kiện, khả năng của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, bao gồm cả khả năng bảo vệ con khỏi bị xâm hại, bóc lột; **(ii)** quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, được duy trì mối quan hệ với người cha, mẹ không trực tiếp nuôi; **(iii)** sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ; **(iv)** sự quan tâm của cha, mẹ đối với con; **(v)** bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con; **(vi)** nguyện vọng của con được ở cùng với anh, chị, em (nếu có) để bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của con; và **(vii)** nguyện vọng của con được sống chung với cha hoặc mẹ.

Ngoài ra, việc lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trở lên quy định tại khoản 2 Điều 81 của

Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự phải bảo đảm 3 điều kiện: **(i)** Bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, độ tuổi, mức độ trưởng thành để con có thể bày tỏ đúng và đầy đủ ý kiến của mình; **(ii)** Không lấy ý kiến trước mặt cha, mẹ để tránh gây áp lực tâm lý cho con; và **(iii)** Không ép buộc, không gây áp lực, căng thẳng cho con.

Mặt khác, những đối tượng mẹ mắc bệnh hiểm nghèo/bệnh nan y mà không thể tự chăm sóc bản thân/trực tiếp chăm sóc, giáo dục con cái; mẹ có thu nhập hàng tháng thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người mẹ cư trú và không có tài sản nào khác phục vụ việc chăm sóc, giáo dục con cái; và mẹ không có điều kiện về thời gian tối thiểu để trực tiếp chăm sóc, giáo dục con cái sẽ được coi là **“người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”** quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

6. Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình



Tòa án sẽ tiến hành giải thích về việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con khi người trực tiếp nuôi con không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng. Nếu xét thấy người trực tiếp nuôi con có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng và việc họ không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện thì Tòa án không buộc bên kia phải cấp dưỡng cho con.

Tiền cấp dưỡng cho con là chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận, mức cấp dưỡng sẽ được Tòa án quyết định dựa trên mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con.

Trường hợp các bên không thỏa thuận được phương thức cấp dưỡng thì Tòa án quyết định phương thức cấp dưỡng hàng tháng hoặc phương thức khác phù hợp với nhu cầu, lợi ích của con và điều kiện kinh tế của người cấp dưỡng.



7. Hướng dẫn cụ thể về những từ/cụm từ và những trường hợp được nêu ra tại Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình, về hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên

Điều 8 của Nghị quyết này có đưa ra một số khái niệm cụ thể của những hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con như: Phá tán tài sản của con; có lối sống đồi trụy; xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Đối với những hành vi nêu trên, Tòa án có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức ra quyết định về việc cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên bằng cách: Cấm cha, mẹ trông nom, chăm sóc, giáo dục con; cấm cha mẹ quản lý tài sản của con hoặc cấm cha mẹ làm đại diện theo pháp luật cho con. Ngoài ra, Tòa án quyết định rút ngắn thời hạn hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên trong trường hợp cha, mẹ đã thực hiện được một phần hai thời hạn theo quyết định của Tòa án và trong thời hạn này, cha, mẹ không thực hiện một trong các hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình đối với con.

8. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án về hôn nhân và gia đình trong một số trường hợp

Tranh chấp về bất động sản của vụ việc hôn nhân gia đình mà nơi cư trú, làm việc của bị đơn, nguyên đơn quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và nơi có bất động sản đang tranh chấp khác nhau thì thẩm quyền của Tòa án được xác định theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp cha và mẹ là người Việt Nam định cư ở nước ngoài có đơn khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, con chung đang sinh sống tại Việt Nam thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

9. Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ

Điều 10 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP hướng dẫn xử lý trong trường hợp người Việt Nam ở trong nước xin ly hôn với người Việt Nam ở nước ngoài và nguyên đơn chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của bị đơn mà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn ở nước ngoài. Đối với trường hợp này:

- Người thân thích của bị đơn có căn cứ xác định họ có liên hệ với người thân thích ở trong nước nhưng người thân thích của họ không cung cấp địa chỉ của bị đơn cho Tòa án, không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.



Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà người thân thích của họ không cung cấp địa chỉ của bị đơn cho Tòa án, không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết thì Tòa án tiếp tục giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

- Sau khi xét xử, Tòa án gửi cho người thân thích của bị đơn bản sao bản án, quyết định để họ chuyển cho bị đơn, đồng thời tiến hành niêm yết công khai bản sao bản án, quyết định tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của bị đơn và nơi người thân thích của bị đơn cư trú để đương sự có thể thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng.

10. Hướng dẫn về án phí trong giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình

Đối với tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đương sự phải là bên chịu án phí, trừ trường hợp tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự.

Trong vụ án ly hôn mà các bên đương sự thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình thì cần phân biệt như sau:

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 05/2024



LAC DUY & ASSOCIATES

- Các bên đương sự thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa sơ thẩm thì các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định);
- Các bên đương sự thuận tình ly hôn tại phiên tòa sơ thẩm thì các bên đương sự phải chịu 100% mức án phí quy định (mỗi bên phải chịu 50% mức án phí quy định).

Ngoài ra, trước khi mở phiên tòa, các bên đương sự tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung và tài sản chung mà Tòa án xét xử và ra bản án sơ thẩm thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định); về quan hệ tài sản thì mức án phí mỗi bên phải chịu tương ứng với giá trị phần tài sản mà mỗi bên được chia theo quy định của pháp luật về án phí.



VĂN BẢN PHÁP LUẬT THÁNG 5/2024

SỐ	NGÀY HIỆU LỰC	TÊN VĂN BẢN
----	---------------	-------------

THƯƠNG MẠI

1.	01/05/2024	Nghị định 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp
2.	11/05/2024	Thông tư 04/2024/TT-BCT của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc

DOANH NGHIỆP

1.	20/05/2024	Thông tư 02/2024/TT-BNNPTNT quy định về danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
----	------------	---

ĐẦU TƯ

1.	01/05/2024	Quyết định 821/QĐ-BCT năm 2024 công bố thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực cụm công nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương
----	------------	---

NGÂN HÀNG

1.	14/05/2024	Thông tư 01/2024/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quản lý seri tiền mới in của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
----	------------	---



LAO ĐỘNG

1.	15/05/2024	Thông tư 02/2024/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
----	------------	--

GIAO THÔNG VẬN TẢI

1.	01/05/2024	Nghị định 30/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đăng ký tại nước ngoài, do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch
2.	01/05/2024	Quyết định 415/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông Vận tải
3.	15/05/2024	Nghị định 34/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa

THÔNG TIN- TRUYỀN THÔNG

1.	15/05/2024	Thông tư 02/2024/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông
----	------------	--

TƯ PHÁP

1.	15/05/2024	Nghị định 26/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp
----	------------	--